

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2023/HS-ST**

Ngày: 28/4/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hiệp.

Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Trương Tuấn Kh**; Sinh ngày: 16/02/1975; Tại: Tỉnh Bến Tre; Hộ khẩu thường trú: Ấp PT, xã CH, huyện GT, tỉnh Bến Tre; Tạm trú: 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn Qu và bà: Trần Thị N (chết); Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/02/2022 đến ngày 12/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Nguyễn Đình D** (tên thường gọi là Việt); Sinh ngày: 24/9/1981; Tại: Tỉnh Hà Tĩnh; Hộ khẩu thường trú: Thôn SL, xã SB, huyện CD, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình T và bà: Nguyễn Thị X; Có vợ: Là bà Nguyễn Thị H và con: Có 01 người con, sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 03/02/2022 đến ngày 31/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. **Lê Văn Đ1** (tên thường gọi là Tuấn); Sinh ngày: 01/01/1985; Tại: Tỉnh Hậu Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp BL, xã LB, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang; Tạm trú: 172C/4 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T và bà: Trần Thị L (chết); Có vợ: Là bà Vũ Thị Ng và con: Có 01 người con, sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

Tiền án: Ngày 13/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án về tội «Đánh bạc» (Bản án số: 66/2018/HS-ST). Chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 13/5/2020 (Giấy chứng nhận số: 03/2020/GCN của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang). Ngày 14/4/2020, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định thi hành án số: 514/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án phí và nộp phạt của Bản án số: 66/2018/HS-ST. Tuy nhiên, đến ngày 03/6/2022 (sau ngày thực hiện hành vi phạm tội mới), Lê Văn Đ1 mới thi hành xong án phí và hình phạt bổ sung (Giấy xác nhận kết quả thi hành án số: 404/GXN-THADS ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. **Lê Ngọc Đ2** (tên thường gọi là Bảo); Sinh ngày: 26/02/1982; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 361/19E đường PVC, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phụ buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Thanh B và bà: Trần Thị L; Có vợ: Là bà Mai Thị Bích Th và con: Có 01 người con, sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

Nhân thân:

- Ngày 31/12/2013, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng kể từ ngày tuyên án về tội «Đánh bạc» (Bản án số: 173/2013/HSST). Đã thi hành xong án phí và hình phạt bổ sung (Phiếu cung cấp thông tin số: 711/CCTHADS ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 03/7/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội «Đánh bạc». Tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt 10 tháng tù của Bản án số: 173/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân Quận 6. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 10 tháng tù (Bản án số: 79/2015/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2016 và đã thi hành xong phần án phí, phần hình phạt bổ sung (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 943/GCN-CAQ-CQTHAHS ngày 10/12/2019 của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Phiếu cung

cấp thông tin số: 712/CCTHADS ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

5. **Nguyễn Văn H1** (tên thường gọi là HĐ); Sinh ngày: 12/12/1972; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 7/92 đường LK5-6, khu phố I, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn X (chết) và bà: Nguyễn Thị N (chết); Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

Nhân thân:

- Ngày 23/4/1991, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản Xã hội Chủ nghĩa» (Bản án số: 72/HSST).

- Ngày 13/11/1992, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản của công dân» (Bản án số: 169/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/1995 (Giấy Ra trại số: 28/GRT của Trại giam Tổng Lê Chân).

- Ngày 14/3/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội «Cố ý gây thương tích» và 02 năm tù về tội «Gây rối trật tự công cộng». Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù (Bản án số: 738/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2006 và đã thi hành xong án phí ngày 20/6/2002 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 162/GCN của Trại giam Xuyên Mộc và Công văn trả lời xác minh số: 1446/CCTHADS ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

6. **Nguyễn Tấn V**; Sinh ngày: 16/3/1986; Tại: Tỉnh Quảng Ngãi; Hộ khẩu thường trú: Thôn ST, xã BĐ, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi; Tạm trú: Số 8 đường NPC, Phường O, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tấn D và bà: Trần Thị S; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

Nhân thân: Ngày 22/6/2012, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án về tội «Đánh bạc» (Bản án số: 179/2012/HSST). Đã thi hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 30/10/2013 (Công văn trả lời xác minh số: 552/CCTHADS ngày 20/7/2022 và Biên lai thu tiền số: AA/2010/012292 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

7. **Lâm Lập Ph**; Sinh ngày: 16/11/1968; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 218/10 lầu C, đường THĐ, Phường K, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ (bị cáo khai cha tên Trương A - đã chết) và bà: Lâm Ái Ph (chết); Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

Nhân thân: Ngày 27/9/1986, bị Công an Quận 5 bắt về hành vi trộm cắp tài sản và bị xử lý bằng hình thức cảnh cáo (Công văn trả lời xác minh số: 4342/TB-CAQ-ĐTTH ngày 25/7/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

8. **Nguyễn Văn Đ3** (tên thường gọi là Quang); Sinh ngày: 01/01/1990; Tại: Tỉnh Sóc Trăng; Hộ khẩu thường trú: Ấp LVH, xã NT, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Kh (chết) và bà: Nguyễn Thị H; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

9. **Nguyễn Thành N**; Sinh ngày: 18/12/1977; Tại: Tỉnh Bình Định; Hộ khẩu thường trú: Xóm B, thôn ĐH, xã PA, huyện TP, tỉnh Bình Định; Tạm trú: 87/2D đường số C, khu phố D, phường BHH, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Th và bà: Lê Thị Kim H; Có vợ: Là bà Nguyễn Thị Thanh H và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

10. **Nguyễn Quốc T**; Sinh ngày: 11/3/1973; Tại: Tỉnh Phú Yên; Hộ khẩu thường trú: 600/12/2 đường KDV, khu phố A, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Th (chết) và bà: Lê Thị L (chết); Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

11. **Trần Linh Ph** (tên thường gọi là Tiến); Sinh ngày: 14/02/1982; Tại: Tỉnh Vĩnh Long; Hộ khẩu thường trú: Khóm A, thị trấn VL, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: 34 đường NTL, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Ph và bà: Nguyễn Thu V; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

12. **Trịnh Văn H2** (tên thường gọi là Thạnh); Sinh ngày: 22/5/1970; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 106I/46/15 đường LLQ, Phường C, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Kha Th (chết) và bà: Lâm N (chết); Có vợ: Là bà Nguyễn Thị H và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn H2:*

Ông Chung Ngọc Th - Luật sư Công ty Luật HDKT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Gia D; Sinh năm: 1963; Trú tại: 169 đường HVT, Phường H, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Lê Hồng Tuấn A; Sinh năm: 1983; Thường trú: 32 đường Lê Hồng Ph, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 82/4 đường DBT, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Phan Thái Hải Th; Sinh năm: 1992; Trú tại: 637 đường TTV, Phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Ngô Duy L; Sinh năm: 1992; Thường trú: 168/78 đường NCT, phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 310/20 đường ĐM, phường BTĐA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Ông Võ Minh Ch (Bình); Sinh năm: 1975; Thường trú: Xã PC, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: 360 đường THĐ, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Bà Trần Thị Kim L; Sinh năm: 1951; Trú tại: 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

7. Bà Mai Thị Bích Th; Sinh năm: 1984; Trú tại: 361/19^E đường PVC, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

8. Ông Nguyễn H3; Sinh năm: 1984; Trú tại: Thôn 2, xã DBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

(vắng mặt)

9. Ông Đặng Ngọc L; Sinh năm: 1979; Thường trú: 6C đường LLQ, Phường E, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 325/21/6 đường LVQ, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

10. Bà Lâm Ngọc Ph; Sinh năm: 1993; Thường trú: 1570/160 đường VVK, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Thị Kim Ch; Sinh năm: Không rõ; Thường trú: 5/5B đường QT, Phường J, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

12. Bà Trương Dung M; Sinh năm: 1967; Thường trú: 817 đường LLQ, Phường J, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 14/16 đường PTH, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

13. Ông Lê Văn T; Sinh năm: 1970; Thường trú: 243/73 Bis đường TĐ, Phường O, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

14. Bà Trịnh Ngọc Th; Sinh năm: 1957; Trú tại: 106I/46/15 đường LLQ, Phường C, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 15 phút ngày 03/02/2022, tổ công tác thuộc Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 6 kết hợp cùng Công an Phường 12, Quận 6 bắt quả tang Nguyễn Đình D đang cùng Lê Văn Đ1, Nguyễn Tấn V, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 đánh bài ăn tiền bằng hình thức «chơi bài cào» tại quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F (D là người làm cái) và đã thu giữ tại sòng bạc 01 bộ bài tây (52 lá); thu giữ tại chỗ của Nguyễn Đình D số tiền 10.670.000 đồng, của Lê Văn Đ1 số tiền 2.600.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 200.000 đồng), của Nguyễn Tấn V số tiền 30.200.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 200.000 đồng), của Lê Ngọc Đ2 số tiền 2.100.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 200.000 đồng), của Nguyễn Văn H1 số tiền 700.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 200.000 đồng), của Lâm Lập Ph số tiền 1.100.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 100.000 đồng), của Nguyễn Văn Đ3 số tiền 7.200.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 200.000 đồng), của Nguyễn Thành N số tiền 2.800.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 100.000 đồng), của Nguyễn Quốc T số tiền 800.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 200.000 đồng), của Trần Linh Ph số tiền 5.250.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 200.000 đồng), của Trịnh Văn H2 số

tiền 1.750.000 đồng (trong đó đang đặt cược là 200.000 đồng). Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ các đối tượng có mặt tại sòng bạc là Trương Tuấn Kh, Võ Minh Ch, Lê Văn T, Trương Dung M, thu giữ của Kh 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen và số tiền 150.000 đồng, của Ch 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A7 màu vàng và số tiền 18.100.000 đồng.

Cùng thời điểm, tổ công tác còn phát hiện Lê Gia D, Lê Hồng Tuấn A, Phan Thái Hải Th, Ngô Duy L đang đánh bài ăn tiền bằng hình thức «chơi bài tiến lên», đã thu giữ tại sòng bạc 01 bộ bài tây (52 lá) và số tiền 1.409.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6,

Trương Tuấn Kh khai: Kh thuê đất của bà Trần Thị Kim L tại địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F từ năm 2011 để kinh doanh buôn bán nước giải khát. Thời điểm tết nguyên đán năm 2022, Kh mua nhiều bộ bài tây (loại 52 lá) để sẵn trong quán nhằm cung cấp cho khách đến uống cà phê có nhu cầu đánh bài ăn tiền để thu tiền xâu (khách đánh từ 05 đến 07 ván thì xâu cho Kh 50.000 đồng). Ngày 03/02/2022, Kh đã thu 150.000 đồng tiền xâu của sòng bài do Nguyễn Đình D làm cái thì bị Công an phát hiện bắt quả tang như nêu trên. Riêng sòng bài «tiến lên» của Lê Gia D, Lê Hồng Tuấn A, Phan Thái Hải Th, Ngô Duy L, Kh không thu tiền xâu. Ngoài ra, Kh còn khai ngày 01/02/2022 đã thu tiền xâu 1.200.000 đồng, ngày 02/02/2022 đã thu tiền xâu 1.500.000 đồng.

Nguyễn Đình D khai: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2022, D đem theo 12.000.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F để đánh bạc. Tại đây, D đứng ra làm cái «chơi bài cào» thắng thua bằng tiền.

Về cách thức «chơi bài cào»: D khai người làm cái sử dụng bộ bài tây gồm 52 lá bài chia đều cho các tụ, mỗi tụ 03 lá bài, D quy định mỗi tụ đặt thấp nhất 100.000 đồng, cao nhất 200.000 đồng. Nếu tụ nào có điểm cao hơn thì thắng người làm cái, ngược lại thì người chơi phải chung tiền cho người làm cái. Trưa ngày 03/02/2022, D làm cái được 08 ván và đã xâu cho Kh 50.000 đồng. Trong lúc đang làm cái ván thứ chín thì đã bị bắt. Lúc bị bắt, Công an thu giữ của D trên chiếu bạc 300.000 đồng, trong ví 10.370.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc).

Nguyễn Tấn V khai: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 03/02/2022, V đem theo 30.000.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, nhưng chỉ sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc. Tại đây, V tham gia làm cái 03 ván và thắng 600.000 đồng, V đưa tiền xâu cho Kh 50.000 đồng. Sau đó, V để Đ2, D thay phiên nhau làm cái, V đặt mỗi ván 200.000 đồng và đã thua 400.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của V trên chiếu bạc 200.000 đồng, trong ví 30.000.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng, V dùng vào việc đánh bạc).

Lê Ngọc Đ2 khai: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 03/02/2022, Đ2 đem theo 2.850.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường

NVL, Phường L, Quận F để đánh bạc. Tại đây, Đ2 tham gia làm cái 05 ván và đã đưa tiền xâu cho Kh 50.000 đồng. Sau đó, Đ2 để D làm cái, Đ2 đặt mỗi ván 200.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của Đ2 trên chiếu bạc 200.000 đồng, trên tay 600.000 đồng, trong túi đeo chéo 1.300.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc).

Lâm Lập Ph khai: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2022, Ph đem theo 1.500.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F để đánh bạc và đã thua 400.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của Ph trên chiếu bạc 100.000 đồng, trên tay 1.000.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc).

Lê Văn Đ1 khai: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2022, Đ1 đem theo 2.800.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, nhưng chỉ sử dụng 1.150.000 đồng để đánh bạc do D làm cái, mỗi ván Đ1 đặt 200.000 đồng và đã thua 200.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của Đ1 trên chiếu bạc 200.000 đồng, trên tay 750.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc). Còn lại 1.650.000 đồng thu giữ trong ví, Đ1 không sử dụng để đánh bạc.

Trần Linh Ph khai: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/02/2022, Ph đem theo 5.250.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, nhưng chỉ sử dụng 2.750.000 đồng để đánh bạc do D làm cái, mỗi ván Ph đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của Ph trên chiếu bạc 200.000 đồng, trên tay 2.550.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc). Còn lại 2.500.000 đồng thu giữ trong ví, Ph không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Văn Đ3 khai: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2022, Đ3 đem theo 6.000.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc do D làm cái, mỗi ván Đ3 đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và đã thắng 1.200.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của Đ3 trên chiếu bạc 200.000 đồng, trên tay 1.000.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc). Còn lại 6.000.000 đồng thu giữ trong ví (trong đó có 500.000 đồng Đ3 dùng vào việc đánh bạc).

Nguyễn Quốc T khai: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2022, T đem theo 2.100.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, nhưng chỉ sử dụng 1.900.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván T đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và đã thua 1.300.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của T trên chiếu bạc 600.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc). Còn lại 200.000 đồng thu giữ trong ví, T không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Văn H1 khai: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2022, H1 đem theo 1.000.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F để đánh bạc, mỗi ván H1 đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và đã thua 300.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của H1 trên

chiếu bạc 200.000 đồng, trong người 500.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc).

Nguyễn Thành N khai: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2022, N đem theo 2.500.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván N đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và đã thắng 300.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của N trên chiếu bạc 100.000 đồng, trên tay 1.200.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc).

Trịnh Văn H2 khai: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2022, H2 đem theo 2.100.000 đồng đến quán cà phê HĐ của Trương Tuấn Kh, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, nhưng chỉ sử dụng 1.150.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván H2 đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và đã thua 300.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu giữ của H2 trên chiếu bạc 200.000 đồng, trong túi áo 650.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc). Còn lại 900.000 đồng thu giữ trong túi quần, H2 không sử dụng để đánh bạc.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn H2 khai trước đây H2 có tiền sử bệnh tâm thần, nên ngày 09 tháng 6 năm 2022 Cơ quan điều tra Công an Quận 6 quyết định trưng cầu giám định pháp y về tình trạng sức khỏe và tâm thần đối với Trịnh Văn H2 (Quyết định số: 220/CV-ĐCSHS).

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 2154/KLGD ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Y tế đã kết luận tình trạng sức khỏe tâm thần đối với Trịnh Văn H2 như sau:

1. Về y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ngày 03/02/2022 cho đến hiện tại, đối tượng có bị tâm thần phân liệt thể di chứng, giai đoạn thuyên giảm không hoàn toàn (F20.54-ICD10).

2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ngày 03/02/2022 cho đến hiện tại, đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

3. Ý kiến khác: Không.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 21/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Nguyễn Đình D về tội «Tổ chức đánh bạc» (Quyết định số: 28/QĐ-ĐCSHS), khởi tố bị can đối với Trương Tuấn Kh về tội «Gá bạc» (Quyết định số: 29/QĐ-ĐCSHS).

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 01/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Lê Văn Đ1, Nguyễn Tấn V, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph về tội «Đánh bạc» (Quyết định từ số: 69/QĐ-ĐCSHS đến số: 77/QĐ-ĐCSHS). Ngày

12 tháng 9 năm 2002, khởi tố bị can đối với Trịnh Văn H2 về tội «Đánh bạc» (Quyết định số: 127/QĐ-ĐCSHS).

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 03/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Trương Tuấn Kh về tội «Tổ chức đánh bạc» (Quyết định số: 05/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Nguyễn Đình D về tội «Đánh bạc» (Quyết định số: 06/QĐ-ĐCSHS).

Đối với hành vi đánh bạc của Lê Gia D, Lê Hồng Tuấn A, Phan Thái Hải Th, Ngô Duy L, Công an Quận 6 xác định chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.500.000 đồng (Quyết định số: 08/QĐ-XPVPHC, số: 12/QĐ-XPVPHC, số: 16/QĐ-XPVPHC, số: 20/QĐ-XPVPHC cùng ngày 06/02/2022).

Tại Cáo trạng số: 29/CT-VKS-Q6 ngày 31 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Tuấn Kh về tội «Tổ chức đánh bạc» theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 về tội «Đánh bạc» theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng nêu;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trịnh Ngọc Th xác nhận chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Dream II màu Nâu, biển số 52H2-6939 mà Công an thu giữ của bị cáo Trịnh Văn H2 là xe của bà, do bà đứng tên chủ sở hữu và bà đã được nhận lại chiếc xe. Tại phiên tòa hôm nay, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trương Tuấn Kh từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm về tội «Tổ chức đánh bạc» theo điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Đình D từ 01 năm 01 tháng 28 ngày đến 01 năm 06 tháng tù về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Lê Văn Đ1 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Lê Ngọc Đ2 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Tấn V từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Lâm Lập Ph từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ3 từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Thành N từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trần Linh Ph từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trịnh Văn H2 từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội «Đánh bạc» theo khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm q, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe gắn máy biển số 59K2-654.76, số khung MH1KF412XLK069182, số máy KF41E2074186 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 149.32); 01 chiếc xe gắn máy biển số 47R5-6413, số máy: 5P11248279, số khung: 110AY248273 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 133); 01 chiếc xe gắn máy biển số 54V2-1221, số máy: 122889-F4A5, số khung: 080122889-E (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Suzuki, số loại Suzuki F4A5, dung tích 124); 01 chiếc xe gắn máy biển số 51M1-7037, số máy: 033696FMG, số khung: 014204HT (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Sirena, sơn màu Nâu), do không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp và 25.070.000 đồng (là tiền dùng vào việc đánh bạc).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tây (đã qua sử dụng); 01 túi đeo màu đen có chữ LACOSTE; 01 chiếc ví màu nâu có chữ LEATHER.

Trả lại bị cáo Trương Tuấn Kh 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F7 64Gb màu đen, số Imei 1: 869604034100957, số Imei 2: 869604034100940 (bên trong có 01 sim điện thoại số 89840505171318391846, số thuê bao 1: 0909321113, số thuê bao 2: 0928545925).

Trả lại bị cáo Nguyễn Đình D 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max 256Gb màu đen, số Imei: 356194446387327 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401170550701414OT, số thuê bao 0901474229).

Trả lại bị cáo Nguyễn Tấn V 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 6 Pro 32Gb màu xanh, số Imei 1: 868585041540478, số Imei 2: 868585041540486 (không có sim điện thoại) và số tiền 28.000.000 đồng.

Trả lại bị cáo Lâm Lập Ph 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 màu đen, số Imei 1: 352812101537241, số Imei 2: 352813101537249 (bên trong có 01 sim điện thoại số 89840200010924712748, số thuê bao 0946652390).

Trả lại bị cáo Lê Ngọc Đ2 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus 64Gb màu vàng, số Imei: 354835097693205 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401180750048928, số thuê bao 0902427846).

Trả lại bị cáo Lê Văn Đ1 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo X9009 64Gb màu hồng, số Imei 1: 869770022724130, số Imei 2: 869770022724122 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8984048000054236863, số thuê bao 0968492634) và số tiền 1.650.000 đồng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H1 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số Imei: 356107163786455 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401100966205495, số thuê bao 0908568143).

Trả lại bị cáo Nguyễn Thành N 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02s màu đen, số Imei 1: 352845147623476, số Imei 2: 353051567623471 (bên trong có 02 sim điện thoại số 8984048841007146940, số thuê bao 0899465477 và số 8401180150301933OT, số thuê bao 0349959177) và số tiền 1.500.000 đồng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ3 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 9A 32Gb màu đen, số Imei 1: 860823054244763, số Imei 2: 860823054244771 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401210650123231, số thuê bao 0903151034) và số tiền 5.500.000 đồng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Quốc T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51 màu trắng, số Imei 1: 353544564365716, số Imei 2: 353914474365710 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401200252400858, số thuê bao 0933834994) và số tiền 200.000 đồng.

Trả lại bị cáo Trần Linh Ph 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s 16Gb màu hồng (màn hình bị nứt), số Imei: 355424079286178 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401180350273627OT, số thuê bao 0906634667) và số tiền 2.500.000 đồng.

Trả lại bị cáo Trịnh Văn H2 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen, số Imei 1: 354312130690309, số Imei 2: 355235620690308 (bên trong có 01 sim điện thoại số thuê bao 0983747131) và số tiền 900.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn H2 đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, theo người bào chữa thì mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Và sau khi phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian chữa bệnh.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát bảo lưu lời luận tội; người bào chữa bảo lưu lời bào chữa.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trịnh Văn H2 nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Bị cáo Trần Linh Ph không tranh luận, không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn H2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Minh Ch, Lê Văn T, Trương Dung M và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trương Tuấn Kh đã phạm tội «Tổ chức đánh bạc», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 đã phạm tội «Đánh bạc», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[2.1] Vào lúc 13 giờ 15 phút ngày 03/02/2022, tại quán cà phê HD, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F, các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 đã tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức «đánh bài cào» (03 lá tính điểm), để tính thắng thua bằng tiền (trong đó, vai trò của bị cáo D là người làm cái và trực tiếp thắng thua với các con bạc khác). Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 25.070.000 đồng (thu giữ trực tiếp tại chiếu bạc là 2.100.000 đồng; thu giữ trong người của các bị cáo Nguyễn Đình D 10.370.000 đồng, Lê Văn Đ1 750.000 đồng, Nguyễn Tấn V 2.000.000 đồng, Lê Ngọc Đ2 1.900.000 đồng, Nguyễn Văn H1 500.000 đồng, Lâm Lập Ph 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ3 1.500.000 đồng, Nguyễn Thành N 1.200.000 đồng, Nguyễn Quốc T 400.000 đồng, Trần Linh Ph 2.550.000 đồng, Trịnh Văn H2 650.000 đồng), là tiền các bị cáo này xác nhận dùng để đánh bạc hoặc sẽ được dùng để đánh bạc. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây bất ổn và trái với đời sống, sinh hoạt lành mạnh của những người lao động chân chính, bởi cờ bạc là một tệ nạn xã hội và nó là mầm mống dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 về tội «Đánh bạc» thuộc trường hợp «đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền trị giá từ 5.000.000

đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Bị cáo Trương Tuấn Kh (chủ quán cà phê HĐ, địa chỉ 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F) thấy khách đến quán uống cà phê có nhu cầu đánh bài ăn tiền, bị cáo đã mua nhiều bộ bài tây (loại bài 52 lá) để sẵn trong quán phục vụ cho việc đánh bạc nhằm mục đích thu tiền xâu (bị cáo quy định mỗi người làm cái từ 05 ván đến 07 ván, dù thắng hay thua cũng xâu 50.000 đồng - phù hợp lời khai của các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa). Thời điểm bắt quả tang vào lúc 13 giờ 15 phút ngày 03/02/2022, tại sòng bạc có 11 người tham gia đánh bạc, gồm Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 25.070.000 đồng (bị cáo đã thu tiền xâu tổng cộng là 150.000 đồng). Hành vi này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội «Tổ chức đánh bạc» thuộc trường hợp «Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên» quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo Trương Tuấn Kh với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph đều là những người đã trưởng thành, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra. Còn bị cáo Trịnh Văn H2 tuy có hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng bị cáo cũng nhận biết được hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào cũng là hành vi vi phạm pháp luật và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do ý thức xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[3.1] Bị cáo Lê Văn Đ1 đã bị kết án về tội «Đánh bạc» (ngày 13/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án về tội «Đánh bạc»), bản án này đến nay vẫn chưa được xóa án tích bởi trước ngày thực hiện hành vi phạm tội mới, bị cáo chưa thi hành xong án phí và hình phạt bổ sung. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp «Tái phạm» quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.2] Bản thân bị cáo Lê Ngọc Đ2 ngày 31/12/2013, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01

năm 08 tháng kể từ ngày tuyên án về tội «Đánh bạc»; ngày 03/7/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 01 năm tù về tội «Đánh bạc». Tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt 10 tháng tù của Bản án số: 173/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân Quận 6. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 10 tháng tù. Bị cáo Nguyễn Văn H1 ngày 23/4/1991, bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 09 tháng về tội «Trộm cắp tài sản Xã hội Chủ nghĩa»; ngày 13/11/1992, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 30 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản của công dân»; ngày 14/3/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội «Cố ý gây thương tích» và 02 năm tù về tội «Gây rối trật tự công cộng». Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù. Mặc dù lần phạm tội này các bị cáo Đ2, H1 đều đương nhiên xóa án tích, nhưng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần, các bị cáo này không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Chứng tỏ các bị cáo là những người hết sức xem thường pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2, Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm trật tự công cộng. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Nguyễn Đình D, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo Trịnh Văn H2 là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; bị cáo Nguyễn Đình D có cha là ông Nguyễn Đình T được Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất; các bị cáo Lâm Lập Ph, Nguyễn Quốc T hiện đang bệnh nặng (bị cáo Ph viêm loét ống hậu môn + trực tràng + đại tràng Sigma, viêm loét đại tràng (viêm ruột mạn - IBD) # Lao đại tràng; bị cáo T kháng thể kháng HIV dương tính - mã nhóm B20); bị cáo Nguyễn Tấn V là lao động chính trong gia đình hiện đang phải chăm sóc cha, mẹ già yếu không còn khả năng lao động, bản thân bị cáo cũng đang bị bệnh cần được điều trị thường xuyên (hai chân bị yếu đi lại khó khăn do hạ kali máu - mã nhóm E87.6); bị cáo Trương Tuấn Kh phạm tội lần đầu, nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), là lao động chính trong gia đình hiện đang phải chăm sóc cha già yếu bệnh nặng, do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm i, điểm q, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4.1] Và xét các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều có công việc ổn định, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có người bảo lãnh. Thời gian sinh sống ở địa phương, các bị cáo đã không gây nguy hại, tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Riêng bị cáo V tuy đã phạm tội (ngày 22/6/2012, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án về tội «Đánh bạc»), nhưng đã được đương nhiên xóa án tích, thời gian xóa án tích của bị cáo đến ngày phạm tội mới đã gần 10 năm, trong khoảng thời gian này bị cáo V không phạm tội gì khác, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo cũng đang bị bệnh, sức khỏe có phần hạn chế. Ngoài ra, qua xem xét, đánh giá, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 có khả năng tự cải tạo mình để trở thành người công dân tốt, nên thấy không cần bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo được sửa chữa những sai lầm đã phạm phải.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và một phần lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn H2 tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Trần Linh Ph theo quy định tại khoản 3 Điều 322 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Còn các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Quốc T, Trịnh Văn H2, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều là lao động tự do, có hoàn cảnh kinh tế hết sức khó khăn. Riêng các bị cáo T, H2 đang bị bệnh. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Việc xử lý vật chứng:

[7.1] Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 25.070.000 đồng (trong đó, thu giữ trên chiếu bạc 2.100.000 đồng; thu giữ của các bị cáo Trương Tuấn Kh

150.000 đồng, Nguyễn Đình D 10.370.000 đồng, Nguyễn Tấn V 2.000.000 đồng, Lâm Lập Ph 1.000.000 đồng, Lê Ngọc Đ2 1.900.000 đồng, Lê Văn Đ1 750.000 đồng, Nguyễn Văn H1 500.000 đồng, Nguyễn Thành N 1.200.000 đồng, Nguyễn Văn Đ3 1.500.000 đồng, Nguyễn Quốc T 400.000 đồng, Trần Linh Ph 2.550.000 đồng, Trịnh Văn H2 650.000 đồng), Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.2] Đối với 01 bộ bài tây (đã qua sử dụng); 01 túi đeo màu đen có chữ LACOSTE; 01 chiếc ví màu nâu có chữ LEATHER, là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.3] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 47R5-6413 thu giữ của bị cáo Nguyễn Tấn V (bị cáo khai mua từ một người không rõ lai lịch vào 2019). Theo Phiếu trả lời xác minh số: 100 ngày 15/02/2022 của Công an Quận 6 (BL382), chiếc xe này có số máy: 5P11248279, số khung: 110AY248273 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 133), do ông Nguyễn H3 đứng tên chủ xe (quá trình điều tra, ông H3 khai đã bán lại cho một người phụ nữ tên H, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và ông xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này - BL319); chiếc xe gắn máy biển số 54V2-1221 thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ1 (bị cáo khai mua từ một người không rõ lai lịch vào năm 2019). Theo Phiếu trả lời xác minh số: 99/TLXM-CSGT,TT của Công an Quận 6 (BL383), chiếc xe này có số máy: 122889-F4A5, số khung: 080122889-E (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Suzuki, số loại Suzuki F4A5, dung tích 124), do bà Nguyễn Thị Kim Ch đứng tên chủ xe. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an Phường 10, quận Gò Vấp (nơi bà Ch đăng ký hộ khẩu thường trú) được biết bà Ch không còn cư ngụ tại địa phương, hiện đi đâu không rõ (BL348), nên Cơ quan điều tra Công an Quận 6 không tiến hành ghi lời khai được; chiếc xe gắn máy biển số 51M1-7037 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H1 (bị cáo khai mua từ một người không rõ lai lịch với giá 2.000.000 đồng). Theo Phiếu trả lời xác minh số: 97/TLXM-CSGT,TT của Công an Quận 6 (BL387), chiếc xe này có số máy: 033696FMG, số khung: 014204HT (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Sirena, sơn màu Nâu), do ông Đặng Ngọc L đứng tên chủ xe (ông L khai đã bán lại cho người khác, do lâu quá nên ông không nhớ đã bán cho ai, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và ông xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này - BL321). Xét thấy 03 chiếc xe gắn máy biển số 47R5-6413, 54V2-1221, 51M1-7037 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (tại phiên tòa, các bị cáo V, Đ1, H1 cũng xác nhận không có giấy tờ gì để chứng minh 03 chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của các bị cáo), nên Hội đồng xét xử giao 03 chiếc xe cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của 03 chiếc xe

này thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.4] Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F7 64Gb màu đen, số Imei 1: 869604034100957, số Imei 2: 869604034100940 (bên trong có 01 sim điện thoại số 89840505171318391846, số thuê bao 1: 0909321113, số thuê bao 2: 0928545925) thu giữ của bị cáo Trương Tuấn Kh; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max 256Gb màu đen, số Imei: 356194446387327 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401170550701414OT, số thuê bao 0901474229) thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình D; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 6 Pro 32Gb màu xanh, số Imei 1: 868585041540478, số Imei 2: 868585041540486 (không có sim điện thoại) và số tiền 28.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Tấn V; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 màu đen, số Imei 1: 352812101537241, số Imei 2: 352813101537249 (bên trong có 01 sim điện thoại số 89840200010924712748, số thuê bao 0946652390) thu giữ của bị cáo Lâm Lập Ph; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus 64Gb màu vàng, số Imei: 354835097693205 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401180750048928, số thuê bao 0902427846) thu giữ của bị cáo Lê Ngọc Đ2; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo X9009 64Gb màu hồng, số Imei 1: 869770022724130, số Imei 2: 869770022724122 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8984048000054236863, số thuê bao 0968492634) và số tiền 1.650.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Văn Đ1; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số Imei: 356107163786455 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401100966205495, số thuê bao 0908568143) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H1; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02s màu đen, số Imei 1: 352845147623476, số Imei 2: 353051567623471 (bên trong có 02 sim điện thoại số 8984048841007146940, số thuê bao 0899465477 và số 8401180150301933OT, số thuê bao 0349959177) và số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thành N; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 9A 32Gb màu đen, số Imei 1: 860823054244763, số Imei 2: 860823054244771 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401210650123231, số thuê bao 0903151034) và số tiền 5.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ3; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51 màu trắng, số Imei 1: 353544564365716, số Imei 2: 353914474365710 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401200252400858, số thuê bao 0933834994) và số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s 16Gb màu hồng (màn hình bị nứt), số Imei: 355424079286178 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401180350273627OT, số thuê bao 0906634667) và số tiền 2.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Linh Ph; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen, số Imei 1: 354312130690309, số Imei 2: 355235620690308 (bên trong có 01 sim điện thoại số thuê bao 0983747131) và số tiền 900.000 đồng thu giữ của bị cáo Trịnh Văn H2. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của các bị cáo có tên trên và không đủ căn cứ xác định các bị cáo này đã hoặc sẽ dùng

vào việc phạm tội, nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho các bị cáo là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.5] Riêng chiếc xe gắn máy biển số 59K2-654.76 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình D, theo Phiếu trả lời xác minh số: 104 ngày 11/02/2022 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 007536 ngày 13/5/2021 của Công an Quận 6 (BL380, 392), chiếc xe này có số khung MH1KF412XLK069182, số máy KF41E2074186 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 149.32) do bà Lâm Ngọc Ph đứng tên chủ xe. Còn bị cáo khai mua lại chiếc xe từ bà Lâm Ngọc Ph vào năm 2021 (có Giấy đăng ký mô tô, xe máy do bà Lâm Ngọc Ph đứng tên chủ xe và bà Ph có làm Hợp đồng ủy quyền cho bị cáo được Công chứng viên Phòng công chứng Đàm Sen chứng thực ngày 25/6/2021 - BL388). Xét thấy chiếc xe gắn máy biển số 59K2-654.76 có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp, nên mặc dù bị cáo chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, nhưng Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở xác định bị cáo là người quản lý hợp pháp của chiếc xe. Mặt khác, quá trình điều tra cũng không đủ căn cứ xác định bị cáo đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 22/PNK ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 61/QĐ-VKS-Q6 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 - bút lục 356, 357, 630, 1.116, 1.118, 1.119)

[7.6] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 50N2-048.52 (nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ) thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc T; chiếc xe gắn máy biển số 59H1-187.01 (nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ) thu giữ của bị cáo Lâm Lập Ph; chiếc xe gắn máy biển số 52H2-6939 (nhãn hiệu Honda Dream II màu Nâu) thu giữ của bị cáo Trịnh Văn H2; chiếc xe gắn máy biển số 77G1-683.13 (nhãn hiệu Honda Future F1 125 màu đỏ đen) thu giữ của bị cáo Nguyễn Thành N; chiếc xe gắn máy biển số 59K1-351.37 (nhãn hiệu Honda Air Blade FI màu đen đỏ) thu giữ của bị cáo Lê Ngọc Đ2; chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A7 64Gb màu vàng và số tiền 18.100.000 đồng thu giữ của ông Võ Minh Ch, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong (theo các Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 23/9/2022, ngày 26/9/2022, ngày 29/6/2022 - bút lục số 358 và từ số 1040 đến số 1044), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Đối với hành vi đánh bạc của Lê Gia D, Lê Hồng Tuấn A, Phan Thái Hải Th, Ngô Duy L, Viện kiểm sát xác định chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, mới vi phạm lần đầu) và

ngày 06/02/2022, Công an Quận 6 đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.500.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.1] Đối với các ông, bà Võ Minh Ch, Lê Văn T, Trương Dung M, tuy ngày 03/02/2022 có đến sòng bạc của bị cáo Trương Tuấn Kh, nhưng Cơ quan điều tra xác định các ông, bà này không tham gia đánh bạc, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn bà Trần Thị Kim L (chủ nhà số 361/7 đường NVL, Phường L, Quận F), không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trương Tuấn Kh** phạm tội: «Tổ chức đánh bạc».
- Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Đình D** (Việt), **Lê Văn Đ1** (Tuấn), **Lê Ngọc Đ2** (Bảo), **Nguyễn Văn H1** (HĐ), **Nguyễn Tấn V**, **Lâm Lập Ph**, **Nguyễn Văn Đ3** (Quang), **Nguyễn Thành N**, **Nguyễn Quốc T**, **Trần Linh Ph** (Tiến), **Trịnh Văn H2** (Thạnh) phạm tội: «Đánh bạc».
- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Xử phạt bị cáo **Trương Tuấn Kh** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.
- Giao bị cáo Trương Tuấn Kh cho Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.
- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình D** (Việt) 01 (một) năm 01 (một) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù.
- Thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2022 đến ngày 31/3/2023 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù).
- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Xử phạt bị cáo **Lê Văn Đ1** (Tuấn) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc Đ2** (Bảo) 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** (HĐ) 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn V** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn V cho Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lâm Lập Ph** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lâm Lập Ph cho Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ3** (Quang) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ3 cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành N cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc T** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc T cho Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Linh Ph** (Tiến) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Linh Ph cho Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm q, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn H2** (Thanh) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Văn H2 cho Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Gia đình các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục đối với các bị cáo này.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Trương Tuấn Kh nộp phạt 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình D nộp phạt 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Lê Văn Đ1 nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn V nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo Lê Ngọc Đ2 nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo Lâm Lập Ph nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ3 nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.
Buộc bị cáo Nguyễn Thành N nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.
Buộc bị cáo Trần Linh Ph nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 25.070.000 (hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 47R5-6413, số máy: 5P11248279, số khung: 110AY248273 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 133); 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 54V2-1221, số máy: 122889-F4A5, số khung: 080122889-E (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Suzuki, số loại Suzuki F4A5, dung tích 124); 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 51M1-7037, số máy: 033696FMG, số khung: 014204HT (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Sirena, sơn màu Nâu), để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm. Nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của các chiếc xe này thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây (đã qua sử dụng); 01 (một) túi đeo màu đen có chữ LACOSTE; 01 (một) chiếc ví màu nâu có chữ LEATHER.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Trương Tuấn Kh 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F7 64Gb màu đen, số Imei 1: 869604034100957, số Imei 2: 869604034100940; 01 (một) sim điện thoại số 89840505171318391846 (số thuê bao 1: 0909321113, số thuê bao 2: 0928545925).

Trả lại bị cáo Nguyễn Đình D 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59K2-654.76, số khung MH1KF412XLK069182, số máy KF41E2074186 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 149.32); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max 256Gb màu đen, số Imei: 356194446387327; 01 (một) sim điện thoại số 8401170550701414OT (số thuê bao 0901474229).

Trả lại bị cáo Nguyễn Tấn V 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 6 Pro 32Gb màu xanh, số Imei 1: 868585041540478, số Imei 2: 868585041540486 (không có sim điện thoại) và 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng.

Trả lại bị cáo Lâm Lập Ph 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 màu đen, số Imei 1: 352812101537241, số Imei 2: 352813101537249; 01 (một) sim điện thoại số 89840200010924712748 (số thuê bao 0946652390).

Trả lại bị cáo Lê Ngọc Đ2 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus 64Gb màu vàng, số Imei: 354835097693205; 01 (một) sim điện thoại số 8401180750048928 (số thuê bao 0902427846).

Trả lại bị cáo Lê Văn Đ1 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo X9009 64Gb màu hồng, số Imei 1: 869770022724130, số Imei 2: 869770022724122; 01 (một) sim điện thoại số 8984048000054236863 (số thuê bao 0968492634) và 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H1 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số Imei: 356107163786455; 01 (một) sim điện thoại số 8401100966205495 (số thuê bao 0908568143).

Trả lại bị cáo Nguyễn Thành N 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02s màu đen, số Imei 1: 352845147623476, số Imei 2: 353051567623471; 01 (một) sim điện thoại số 8984048841007146940 (số thuê bao 0899465477); 01 (một) sim điện thoại số 8401180150301933OT (số thuê bao 0349959177) và 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ3 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 9A 32Gb màu đen, số Imei 1: 860823054244763, số Imei 2: 860823054244771; 01 (một) sim điện thoại số 8401210650123231 (số thuê bao 0903151034) và 5.500.000 (năm triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51 màu trắng, số Imei 1: 353544564365716, số Imei 2: 353914474365710; 01 (một) sim điện thoại số 8401200252400858 (số thuê bao 0933834994) và 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Trần Linh Ph 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s 16Gb màu hồng (màn hình bị nứt), số Imei: 355424079286178; 01 (một) sim điện thoại số 8401180350273627OT (số thuê bao 0906634667) và 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Trịnh Văn H2 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen, số Imei 1: 354312130690309, số Imei 2: 355235620690308; 01 (một) sim điện thoại số thuê bao 0983747131 và 900.000 (chín trăm ngàn) đồng.

(theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 630, 1118, 1119)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Đình D, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trịnh Ngọc Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

- Đã giải thích chế định án treo đối với các bị cáo Trương Tuấn Kh, Nguyễn Tấn V, Lâm Lập Ph, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thành N, Nguyễn Quốc T, Trần Linh Ph, Trịnh Văn H2.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo Hội;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên